



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG V/2017



HÀ NỘI, THÁNG VI/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	7
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	8
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	11
9. Vùng Nam Bộ.....	12
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2017.....	13
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	17
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII và VIII/2017.....	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	20
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG V/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng V/2017 tại hầu hết các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ $0,5^{\circ}\text{C}$ đến $3,5^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -235mm đến 183mm (hình 11).

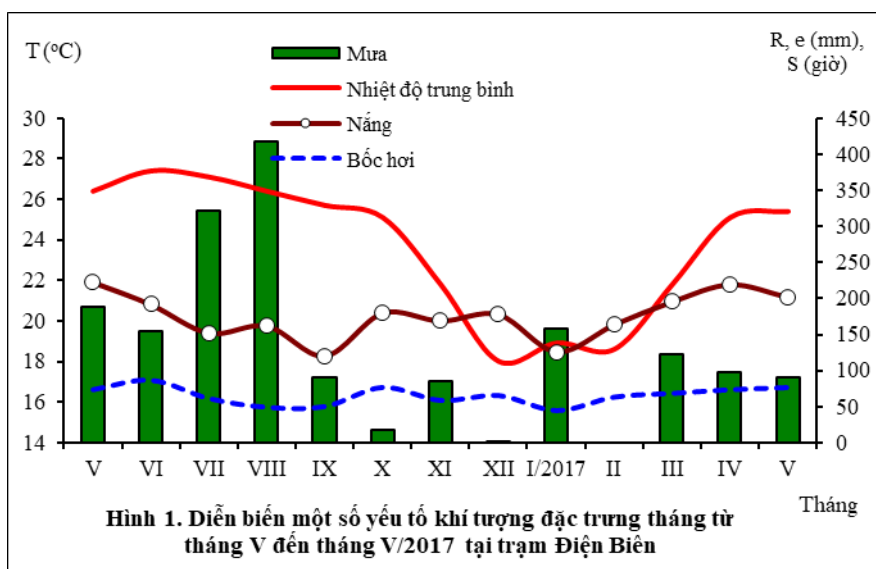
Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -40 giờ đến 78 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -11% đến 4%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng V/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ $-0,6$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,6^{\circ}\text{C}$ (Sìn Hồ) đến $28,8^{\circ}\text{C}$ (Hòa Bình) (hình 10).



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Điện Biên

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $18,1^{\circ}\text{C}$ đến $25,3^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $12,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 01/V tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,8^{\circ}\text{C}$ (Sìn Hồ) đến $35,2^{\circ}\text{C}$ (Yên Châu), giá trị cao nhất là $41,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/V tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung

quanh giá trị TBNN từ -157mm đến 31mm. Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 61mm đến 242mm, cao nhất là 283mm tại Kim Bôi.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 15mm đến 91mm, cao nhất là 97mm xảy ra vào ngày 25/V tại Mường Tè.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 đến 21 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 11 giờ đến 36 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 185 giờ đến 229 giờ, cao nhất là 242 giờ (Sơn La) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2017 dao động từ 71% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -8% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 14/V tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng V/2017 có giá trị phổ biến từ 79mm đến 149mm, cao nhất là 150mm tại Bắc Yên. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-194mm đến 81mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 5 - 10mm, cao nhất là 11mm xảy ra vào ngày 23/V tại Phù Yên.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 2 đến 18 ngày, trong đó có nhiều nơi có từ 1 đến 11 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 6 đến 18 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng V/2013 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,5⁰C đến 2,6⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,2⁰C (Sa Pa)

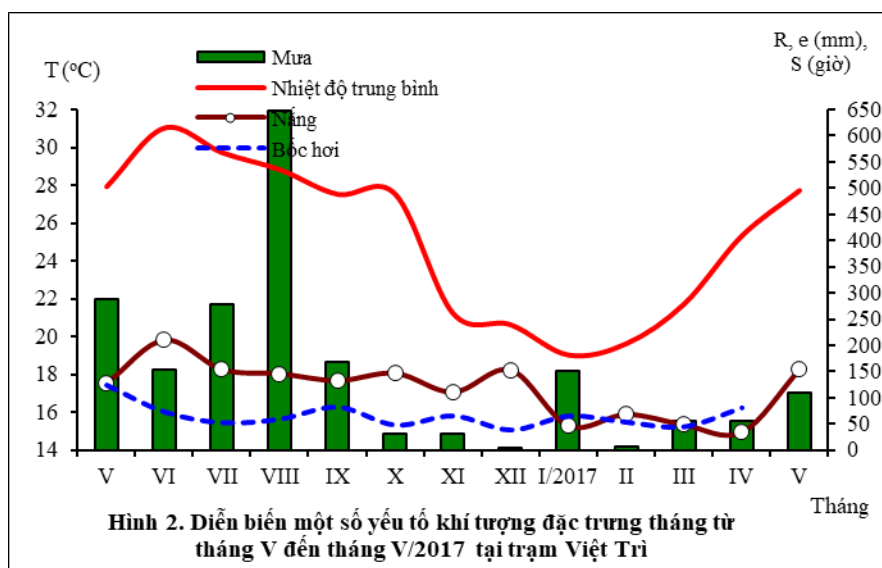
đến 29,4⁰C (Lào Cai);

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,2⁰C (Sa Pa) đến 25,9⁰C (Vĩnh Yên), *nhiệt độ không khí thấp nhất là 10,4⁰C xảy ra vào ngày 05/V tại Sa Pa, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,2⁰C (Sa Pa) đến 34,5⁰C (Lào Cai), nhiệt độ không khí cao nhất là 40,2⁰C xảy ra vào ngày 22/V tại Phú Hộ.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 30mm đến 269mm, *cao nhất là 641mm tại Bắc Quang, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ*



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Việt Trì

hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-235mm đến 59mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 119mm, *cao nhất là 140mm xảy ra vào ngày 03/V tại Chiêm Hóa, đây là giá trị lượng mưa ngày lớn nhất toàn quốc.* Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 5 - 22 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 15 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 17 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 161 giờ đến 217 giờ, cao nhất là 240 giờ (Lào Cai), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-16 giờ đến 57 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2017 phổ biến từ 71% đến 84%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-11% đến -4%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33%, xảy ra vào ngày 11/V tại Lào Cai.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 64mm

đến 126mm, cao nhất là 164mm tại Lào Cai, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-577mm đến 135mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 8mm.

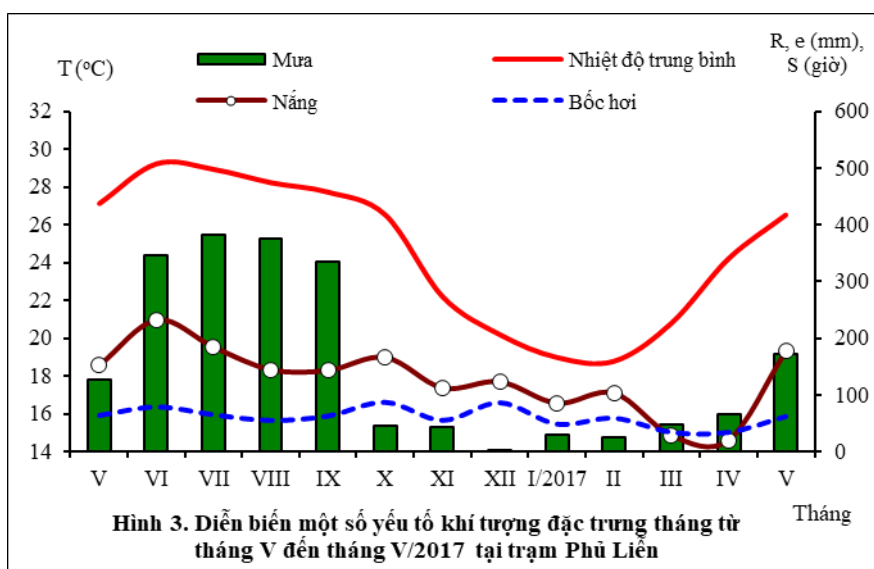
2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 14 ngày, trong đó có nhiều nơi có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 5 đến 16 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 1,0 đến 1,6⁰C); có giá trị dao động từ 25,4⁰C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 28,6⁰C (Lục Ngạn và Bắc Giang) (hình 10).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 29,5⁰C (Tiên Yên) đến 34,5⁰C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,5⁰C xảy ra vào ngày 14/V tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,1⁰C (Trùng Khánh) đến 26,1⁰C (Bãi Cháy), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,3⁰C xảy ra vào ngày 06/V tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng V/2013 dao động phổ biến từ 37mm đến 128mm, cao nhất là 195mm tại Trùng Khánh, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-172mm đến -56mm, hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 13mm đến 60mm, cao nhất là 112mm xảy ra vào ngày 27/V tại Trùng Khánh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 14 ngày; số ngày mưa liên tục

phổ biến từ 2 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng V/2017 đo được ở các nơi trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-22 giờ đến 34 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 130 giờ (Tiên Yên) đến 202 giờ (Bảo Lạc và Lục Ngạn), cao nhất là 205 giờ tại Cao Bằng.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng V/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 76 đến 87%, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 14/V tại Cao Bằng.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 70mm đến 112mm, cao nhất là 115mm tại Lục Ngạn. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (từ -90mm đến 45mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 6mm.

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng dao động từ 1 đến 15 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 2 ngày cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 9 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 27,8⁰C (Thái Bình) đến 29,3⁰C (Láng), ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,8⁰C đến 2,0⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,6⁰C (Văn Lý) đến 34,3⁰C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,7⁰C xảy ra vào ngày 22/V tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,0⁰C (Sơn Tây) đến 26,3⁰C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18,7⁰C xảy ra vào ngày 05/V tại Láng. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

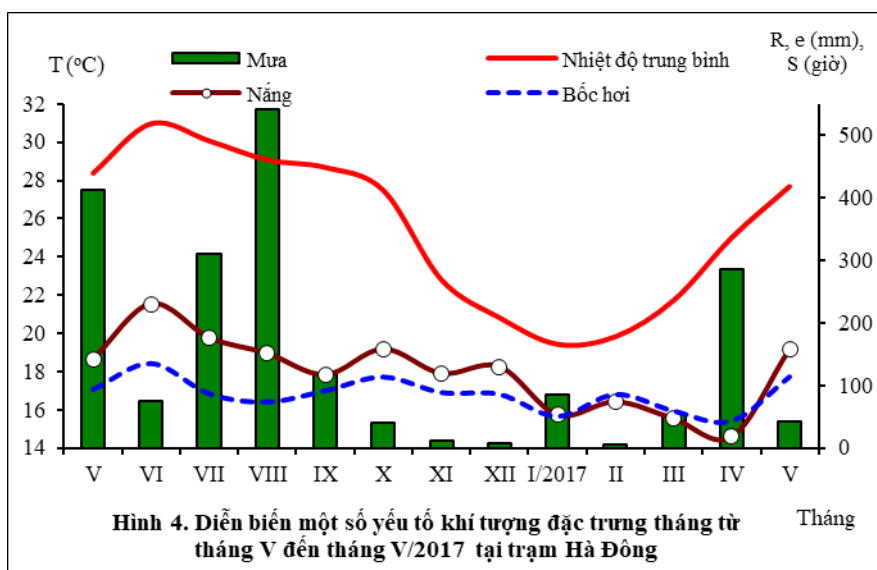
4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-150mm đến 106mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 49mm đến 256mm, cao nhất là 275mm (Nho Quan).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14 đến 74mm, cao nhất là 87 xảy ra vào ngày 05/V tại Hung Yên; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 182 giờ (Láng) đến 205 giờ (Thái Bình), cao nhất là 215 giờ (Văn Lý); có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -15 giờ đến 16 giờ, hình 12).



- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 77% (Láng) đến 87% (Văn Lý và Thái Bình), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -7% đến -3%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 10/V tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 66mm (Sơn Tây) đến 107mm (Nho Quan), cao nhất là 112mm tại Hà Đông; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 8mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -168mm đến 51mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày dao động từ 1 đến 8 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

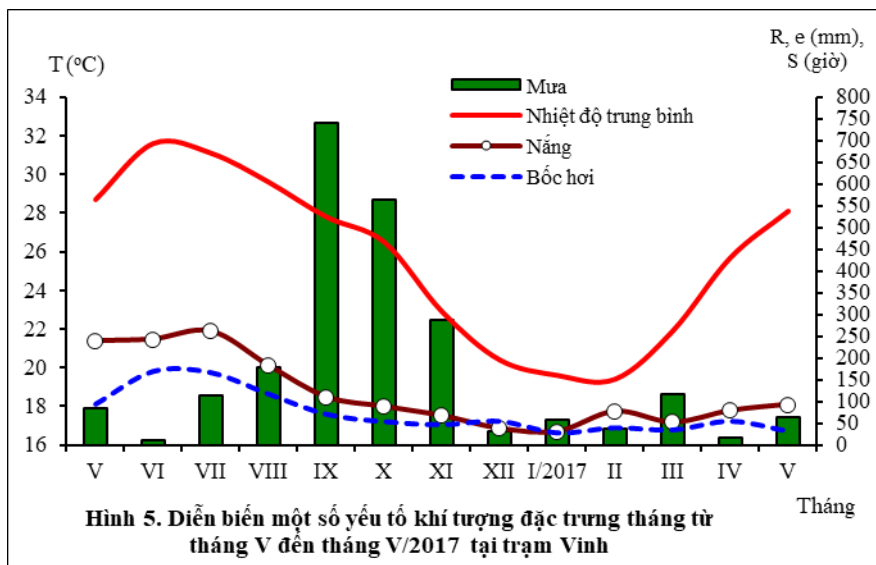
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 16 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ $0,8^{\circ}\text{C}$ đến $2,7^{\circ}\text{C}$, hình 10) và có giá trị từ $27,7^{\circ}\text{C}$ (Hồi Xuân) đến $30,2^{\circ}\text{C}$ (Hà Tĩnh và Hương Khê).

- Nhiệt độ không khí cao nhất



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Vinh

trung bình tháng từ $32,7^{\circ}\text{C}$ (Yên Định) đến $36,7^{\circ}\text{C}$ (Tương Dương), giá trị nhiệt độ cao nhất là $41,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 24/V tại Quỳnh Hợp, đây là giá trị nhiệt độ không khí cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $23,8^{\circ}\text{C}$ (Hồi Xuân và Tương Dương) đến $27,3^{\circ}\text{C}$ (Kỳ Anh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $19,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 05/V tại Yên Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng V/2013, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 12mm đến 193mm, cao nhất là 396mm tại Hồi Xuân. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-163mm đến 183mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 70mm, cao nhất là 80mm, xảy ra vào ngày 20/V tại Hồi Xuân.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 25 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 22 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 199 (Hồi Xuân) đến 267 giờ (Hà Tĩnh), cao nhất là 271 giờ (Kỳ Anh); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 14 giờ đến 41 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% (Kỳ Anh) đến 87%

(Yên Định), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-8% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 23/V tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 51mm đến 166mm, cao nhất là 167mm tại Kỳ Anh; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 12mm, cao nhất là 13 ngày tại Như Xuân, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-324mm đến 155mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

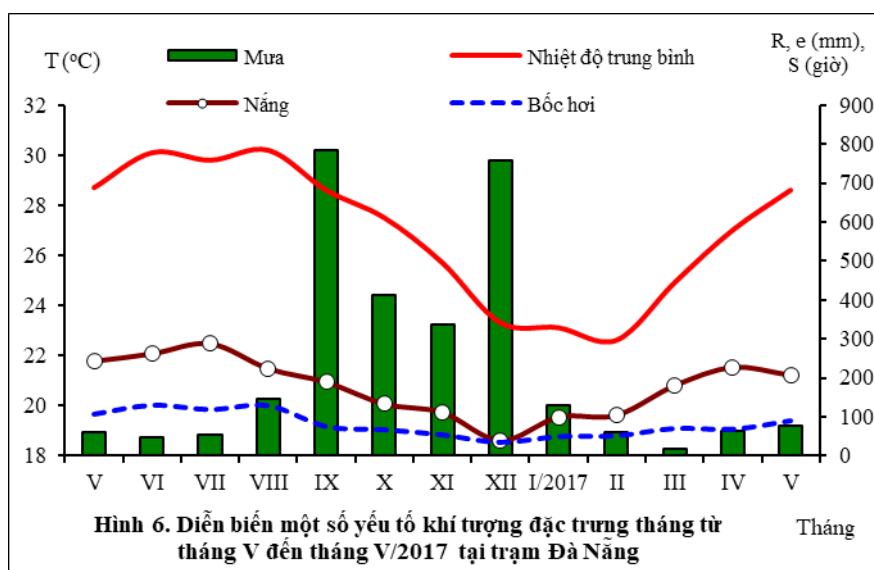
- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 3 đến 22 ngày, trong đó nhiều nơi có từ 1 đến 16 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 5 đến 18 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2017 từ 27,5⁰C (Khe Sanh) đến 30,4⁰C (Đông Hà), phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,0⁰C đến 2,3⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Đà Nẵng

bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,3⁰C (Khe Sanh) đến 36,5⁰C (Đông Hà), giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,7⁰C xảy ra vào ngày 29/V tại Ba Đồn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,6⁰C (Trà My) đến 27,2⁰C (Đông Hới), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 21,2⁰C xảy ra vào ngày 06/V tại

Khe Sanh.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng V/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 5mm đến 114mm, cao nhất là 166mm tại Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -95mm đến -46mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 47mm, cao nhất là 76mm xảy ra vào ngày 05/V tại Đồng Hới.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 15 ngày, cao nhất là 16 ngày tại Trà My; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 22 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng V đến tháng V/2017 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 238 giờ đến 279 giờ, cao nhất là 299 giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (14 giờ đến 39 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -9% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 23/V tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 66mm đến 143mm, cao nhất là 162mm tại Đông Hà. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-100mm đến 141mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 6 đến 20 ngày, trong đó một số nơi có từ 2 đến 9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 24 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2017 từ 29,0°C (Quy Nhơn) đến 30,3°C (Phú Quý), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,9°C đến 1,3°C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,6°C (Quy Nhơn) đến 35,8°C (Hoài Nhơn), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,0°C xảy ra vào ngày 11/V tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,5⁰C (Hoài Nhơn) đến 27,8⁰C (Phú Quý), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 24,1⁰C, xảy ra vào ngày 03/V tại Phan Rang. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng V đến tháng V/2017 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

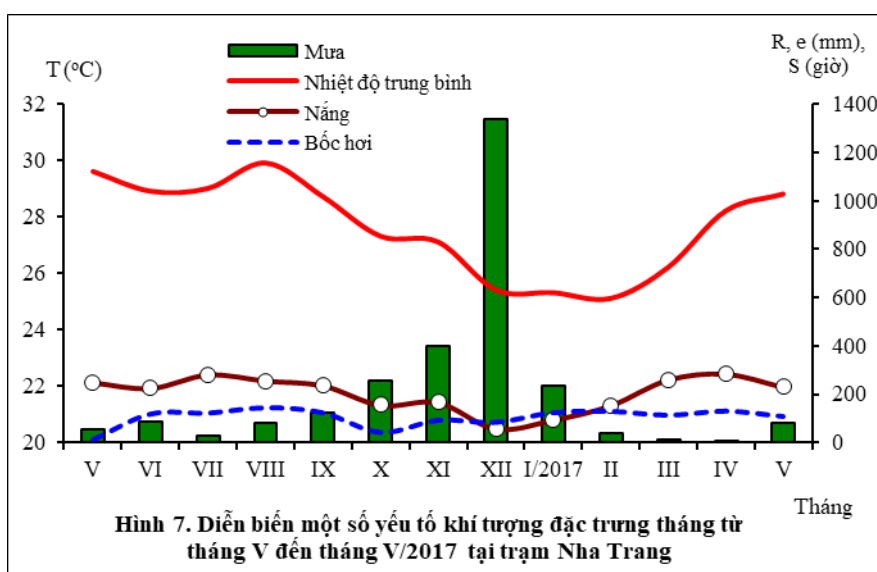
- Trong tháng V/2017, lượng mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 5mm đến 36mm, cao nhất là 93mm tại Phú Quý. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ (-126mm đến -19mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3mm đến 23mm, cao nhất là 29mm xảy ra vào ngày 03/V tại Phú Quý.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày mưa liên tục từ 1 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 5 đến 23 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 299 giờ (Phan Thiết) đến 319 giờ (Quy Nhơn), cao nhất là 343 giờ tại Phú Quý, đây là tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc; số giờ nắng



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Nha Trang

trong vùng phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 39 giờ đến 80 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% (Phan Rang) đến 80% (Quy Nhơn và Phan Thiết), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 41% xảy ra vào ngày 11/V tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 107mm đến 146mm, cao nhất là 179mm tại Phan Rang, đây là giá trị tổng lượng bốc hơi tháng cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (từ 94mm đến 129mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 10 đến 16 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 5 ngày cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 9 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

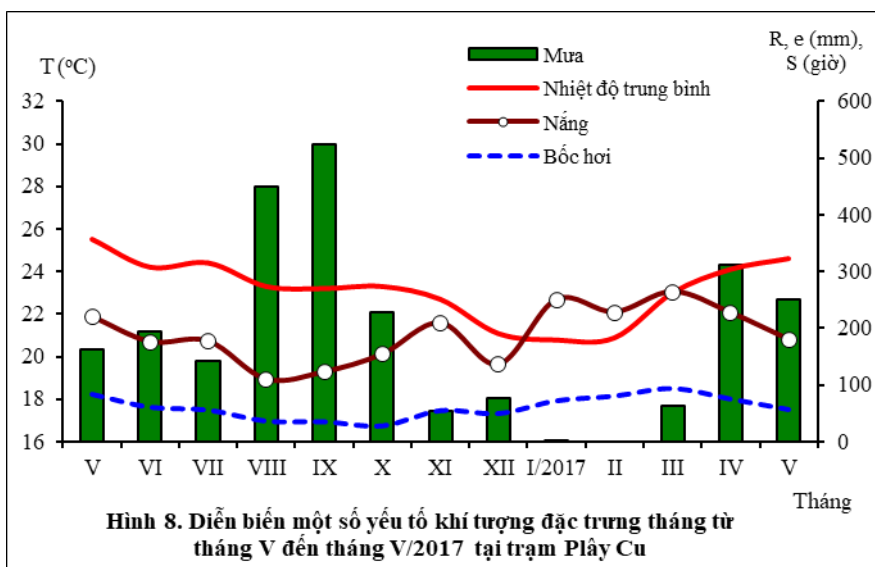
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2017 từ 19,9⁰C (Đà Lạt) đến 29,7⁰C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,6⁰C đến 1,6⁰C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,4⁰C (Đà Lạt) đến 36,0⁰C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,1⁰C xảy ra vào ngày 26/V tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,4⁰C (Đà Lạt) đến 25,7⁰C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,5⁰C xảy ra vào ngày 14/V tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng I đến tháng V/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng V/2017 trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -58mm đến 102mm, phổ biến có giá trị dao động từ 138mm đến 245mm, cao nhất là 326mm tại Đà Lạt.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Plây Cu

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất có giá trị phổ biến dao động từ 32mm đến 69mm, cao nhất là 78mm xảy ra vào ngày 21/V tại Đà Lạt. Số ngày mưa phổ biến từ 13 đến 23 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng I đến tháng V/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2013 phổ biến từ 185 giờ (Đà Lạt) đến 260 giờ (Kon Tum), cao nhất là 280 giờ tại Ayunpa. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-25 giờ đến 64 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN, có giá trị phổ biến từ 74% (Ayunpa) đến 87% (Đà Lạt); độ ẩm không khí thấp nhất là 43% xảy ra vào ngày 26/V tại Ayunpa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm (Đà Lạt) đến 110mm (Kon Tum), cao nhất là 131mm tại Ayunpa. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (từ -290mm đến -28mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất tại Ayunpa với số ngày có gió tây khô nóng là 23 ngày, trong đó có 1 ngày cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 17 đến 27 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

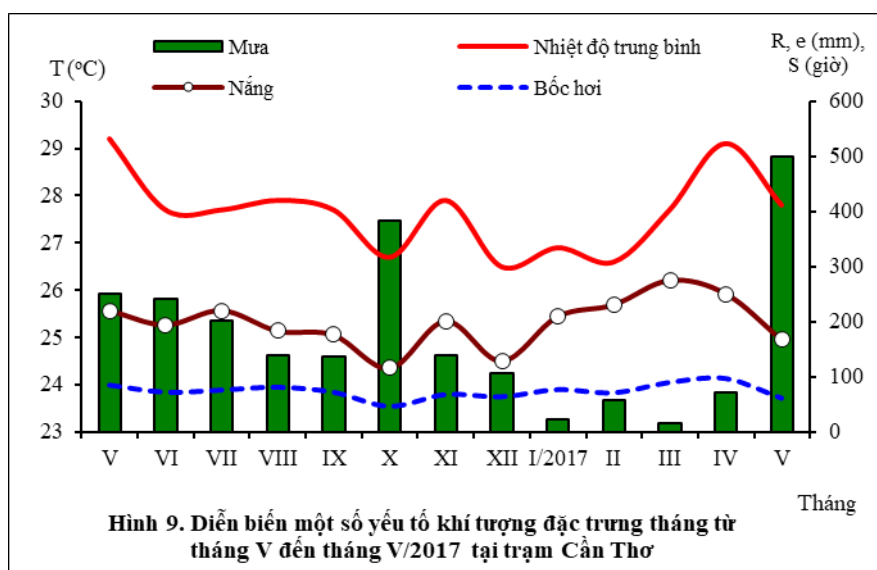
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng V/2017 từ 28,6°C (Càng Long) đến 31,3°C (Đồng Phú), phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,4°C đến 3,5°C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ 33,1°C (Rạch Giá) đến 35,9°C (Tân Sơn Nhất), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,4°C xảy ra vào ngày 13/V tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,6°C (Phước Long) đến 27,8°C (Vũng Tàu), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,1°C xảy ra vào ngày 28/V tại Đồng Phú. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng V đến tháng V/2017 tại trạm Cần Thơ

- Tổng lượng mưa tháng các nơi trong vùng dao động phổ biến từ 20mm đến 263mm, cao nhất là 312mm tại Đồng Phú; lượng mưa ngày dao động từ 9mm đến 75mm, cao nhất 90mm xảy ra vào ngày 02/V tại Phước Long; số ngày mưa từ 7 đến 20 ngày, số ngày mưa liên tục từ 2 đến 17 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 15 ngày. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -163mm đến 37mm.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng V/2017 phổ biến từ 132 giờ (Cà Mau) đến 281 giờ (Cần Thơ), cao nhất là 285 giờ tại Đồng Phú; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-40 giờ đến 68 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 70% (Tân Sơn Nhất) đến 86% (Càng Long), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -9% đến -3%, hình 13). *Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26% xảy ra vào ngày 03/V tại Tân Sơn Nhất, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 61mm đến 126mm, cao nhất là 128mm tại Phước Long (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng (từ -230mm đến 70mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 20 ngày, trong đó duy nhất tại Tân Sơn Nhất có 2 ngày cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày dao động từ 9 đến 22 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG V/2017

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng V/2017 ở hầu hết các địa phương phía Bắc tương đối thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Nền nhiệt và số giờ nắng chủ yếu ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN một ít, lượng mưa và số ngày mưa tăng đảm bảo được cho lúa xuân ở Miền Bắc trở bông, chắc xanh. Bước đầu đánh giá cho thấy lúa đông xuân năm nay có nhiều triển vọng cho năng suất khá. Một số khu vực ở Bắc Trung Bộ đã bắt đầu thu

hoạch lúa đông xuân sớm. Tuy nhiên điều kiện thời tiết trong tháng V/2017 cũng thuận lợi cho sâu bệnh phát triển trên diện rộng đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá, và các loại rầy trên lúa đông xuân. Ở Miền Nam đã bắt đầu vào mùa mưa do vậy lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể. Tuy nhiên do ảnh hưởng của các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng cao, cao hơn cả lượng mưa gây thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trong tháng V ở hầu hết các địa phương số ngày có dông tăng, lượng mưa dông lớn. Đặc biệt, ở hầu hết các khu vực đều xuất hiện gió tây khô nóng, một số vùng như Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên xuất hiện các đợt gió tây khô nóng với cường độ mạnh ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp.

Tính đến cuối tháng lúa đông xuân ở các tỉnh đồng bằng Sông Hồng cơ bản kết thúc thời kỳ trổ bông, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho lúa muộn. Vùng Bắc Trung bộ đã tiến hành thu hoạch và tại các tỉnh miền Nam cơ bản thu hoạch xong lúa đông xuân và chuyển trọng tâm sang vụ hè thu. Năng suất bình quân trên diện tích thu hoạch đạt xấp xỉ 70 tạ/ha, tăng khoảng 3,4 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước; sản lượng thu hoạch đạt hơn 13,3 triệu tấn. Hiện tại các tỉnh miền Nam đang tích cực làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngăn ngày vụ hè thu

1. Đối với cây lúa

1.1. Miền Bắc

Tháng V là tháng bắt đầu mùa mưa, tuy lượng mưa và số ngày mưa tăng hơn so với các tháng trước nhưng chỉ xấp xỉ hoặc thấp hơn so với TBNN. Hầu hết các khu vực đều bị ảnh hưởng của gió Tây khô nóng, đặc biệt là các tỉnh Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ xuất hiện nhiều đợt gió tây khô nóng có cường độ mạnh (Mường Lay: 12 đợt trong đó có 5 đợt có cường độ mạnh, Mường Tè: 15 đợt, 6 đợt cường độ mạnh, Phù Yên 15 đợt, có 8 đợt có cường độ mạnh, Sông Mã có 17 đợt, 6 đợt có cường độ mạnh; Yên Châu có 18 đợt trong đó có 11 đợt có cường độ mạnh; Bảo Lạc có 15 đợt; các khu vực ở Nghệ An như Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Con Công, Đô Lương, Tây Hiếu đều có từ 14 đến 22 đợt với 6-12 đợt có

cường độ mạnh; ...). Các đợt gió tây khô nóng kết hợp với các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng. Một số khu vực ở đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ có lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa dẫn đến tình trạng thiếu hụt nước tức thời, cho sản xuất nông nghiệp. Số ngày xuất hiện đông tăng, đông, lốc kèm theo mưa lớn gây thiệt hại cho người và hoa màu.

Tính đến cuối tháng V/2017 lúa đông xuân ở nhiều tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng đã cơ bản trở xong trong điều kiện thời tiết thuận lợi, lúa phát triển tốt, độ đồng đều tương đối cao. Vùng Trung du và miền núi phần lớn lúa đang trong giai đoạn làm đòng và trở bông. Vùng Bắc Trung Bộ lúa đông xuân đã cho thu hoạch trên 200ha. Nhiều địa phương bước đầu dự ước năng suất lúa cao hơn năm trước, riêng địa bàn miền Trung triển vọng được mùa.

Ở các tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi do hạn kéo dài, thiếu nước nên nhiều cây trồng không đạt kế hoạch diện tích. Một số diện tích không kịp trồng lúa đông xuân đã được chuyển sang trồng màu hoặc cây công nghiệp chịu hạn.

Do nền nhiệt và số giờ nắng cao, lượng mưa và số ngày mưa nhiều nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh trên lúa phát triển, đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông, sâu cuốn lá, và các loại rầy, nhưng các địa phương đã chủ động có các biện pháp phòng trừ, không chế kịp thời, nên nhìn chung gây thiệt hại không lớn.

Ngoài lúa, các cây rau, màu vụ xuân các địa phương đã cơ bản thu hoạch xong, số còn lại đang tiếp tục thu hoạch và chuyển trọng tâm sang chuẩn bị triển khai gieo trồng vụ thu/mùa.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng V/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Điện Biên	Lúa chiêm thu hoạch			
2		Văn Chấn	Lúa chiêm chín hoàn toàn	TB	3 cm	
3		Mộc Châu	Chè lớn búp mù	Khá	Ấm	

4		Lạng Sơn	Ngô phun râu	Khá	TB	
5	Đông Bắc	Bắc Giang	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
6		Uông Bí	Lúa xuân thu hoạch			
7	Trung du	Phú Hộ	Chè lớn lá thật 1	TB	Âm	
8	Bắc Bộ	Ba Vì	Chè lớn lá thật 1	TB	TB	
9	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa xuân chín hoàn toàn	TB		
10		Hoài Đức	Lúa xuân hè trở bông	TB	3 cm	
			Lạc hình thành củ	Khá	TB	
			Ngô phun râu	Khá	TB	
11		Hải Dương	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	11 cm	
12		Hưng Yên	Lúa xuân chín hoàn toàn	Khá	3 cm	
13		Nam Định	Lúa chiêm chín hoàn toàn	Khá	16 cm	
14		Thái Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm	
15	Ninh Bình	Lúa xuân chắc xanh	Khá	3 cm		
16	Bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	Lúa chiêm thu hoạch			
17		Yên Định	Lạc hình thành củ	TB	TB	
18		Đô Lương	Lúa xuân thu hoạch			
19		Quỳnh Lưu	Lúa mùa cấy	TB	3 cm	
20	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	Âm	
21	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Âm	

1.2. Miền Nam

Trong tháng V các địa phương phía Nam về cơ bản đã kết thúc thu hoạch lúa đông xuân chuyển trọng tâm sang lúa hè thu đồng thời làm đất gieo trồng các cây rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Các tỉnh Tây Nguyên vẫn tiếp tục thu hoạch lúa đông xuân. So với cùng kỳ này năm trước tiến độ thu hoạch lúa đông xuân nhanh hơn. Theo đánh giá sơ bộ của các Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long lúa đông xuân vụ này diện tích và năng suất đều tăng so với vụ trước, lúa đông xuân ở các tỉnh thuộc địa bàn Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên triển vọng cũng cho năng suất khá hơn so với vụ trước. Cùng với việc thu hoạch lúa, các địa phương đang tích cực

làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu.

Tháng V gió Tây Nam bắt đầu thổi mạnh ảnh hưởng đến Nam Bộ và Tây Nguyên mang theo mưa rào và dông ở hầu hết các địa phương. So với cùng kỳ nhiều năm thì tháng V năm nay hiện tượng gió tây khô nóng tăng cao, nhiều khu vực thuộc Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ có trên 15 đợt gió tây khô nóng trong đó từ 2-6 đợt có cường độ mạnh. Cùng với gió tây khô nóng là các đợt nắng nóng kéo dài làm lượng bốc hơi tăng cao, hầu hết các khu vực lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa từ 10 - 140mm. Một số khu vực Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ lượng mưa tháng dưới 50mm nên tình trạng khô hạn vẫn tiếp tục kéo dài.

Tình đến cuối tháng, lúa đông xuân ở các tỉnh miền Nam đã thu hoạch đạt 1.915 ngàn ha, bằng 98,1% diện tích xuống giống; năng suất bình quân trên diện tích thu hoạch đạt xấp xỉ 70 tạ/ha, tăng khoảng 3,4 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; Riêng vùng ĐBSCL kết thúc hoạch đạt 1,56 triệu ha, năng suất bình quân đạt khoảng 71,6 tạ/ha, sản lượng đạt gần 11,2 triệu tấn, tăng hơn vụ trước khoảng 200 ngàn tấn.

Kết thúc thu hoạch lúa đông xuân, các tỉnh miền Nam đã xuống giống lúa hè thu đạt 1.352 ngàn ha, bằng 97,4% so với cùng kì năm trước, trong đó vùng ĐBSCL đạt 1.245 ngàn ha, bằng 98,1%. Nhìn chung, nhiều địa phương ở vùng ĐBSCL có tiến độ xuống giống lúa hè thu chậm so với cùng kì năm trước do tốc độ thu hoạch lúa đông xuân chậm hơn so với cùng kỳ, một số nơi chủ động cho đất nghỉ không trồng lúa hè thu hoặc chuyển đổi sang trồng cây khác

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài lúa, trong tháng các địa phương trong cả nước đã bắt đầu triển khai trồng các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu, mùa. Tính từ đầu năm đến nay, tổng diện tích gieo trồng các cây hoa màu trên cả nước đạt 1.113,6 ngàn ha, trong đó diện tích ngô tăng khá, đạt 742 ngàn ha, khoai lang đạt 97,7 ngàn ha, sắn đạt 255 ngàn ha. Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày đạt 416 ngàn ha, trong đó, cây lạc đạt 165,6 ngàn ha, đậu tương đạt 71,3 ngàn ha, mía

đạt 126 ngàn ha, thuốc lá, thuốc lào đạt 27,6 ngàn ha. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 577,6 ngàn ha.

Ở Mộc Châu, Phú Hộ, Ba Vì: Chè đang trong giai đoạn chè lớn búp mù, chè lớn lá thật 1, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá (bảng 1).

Ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ: Ngô đang trong giai đoạn phun râu, trạng thái sinh trưởng khá.

Ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ: Cà phê đang trong giai đoạn hình thành quả, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

3. Tình hình sâu bệnh

- Bệnh đạo ôn lá: Bệnh gây hại diện rộng trên cả nước với tổng diện tích nhiễm hơn 60,4 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng gần 5.000 ha; tập trung chủ yếu ở một số địa bàn như: Bắc Bộ (Thái Bình; Ninh Bình; Bắc Ninh; Hà Nam; Hà Nội; Hưng Yên; Nam Định ...); Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa; Quảng Trị; Quảng Bình). Diện tích đã được phòng trừ ở Bắc Bộ là 46,7 ngàn ha, ở Bắc Trung Bộ 71 ha. Các tỉnh phía Bắc đã tập trung, tích cực phòng chống bệnh, tuy nhiên do thời tiết thuận cho bệnh phát triển và bất thuận cho phòng trừ nên một số địa bàn diện tích bị thiệt hại nặng khá lớn, trong đó mất trắng hơn 80,6 ha, gồm: Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, ...).

- Bệnh đạo cỏ bông: Tổng diện tích nhiễm 2.612 ha, diện tích nhiễm nặng 136 ha, trong đó mất trắng 0,5 ha (Ninh Bình). Tập trung chủ yếu ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Vĩnh Long, Đồng Tháp, Long An, An Giang, Tiền Giang...).

- Sâu cuốn lá nhỏ: Diện tích nhiễm hơn 198 ngàn ha, diện tích nhiễm nặng 105,4 ngàn ha; tập trung chủ yếu tại các địa bàn Bắc Bộ, gồm: Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh và Nam Bộ, gồm: Long An, An Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Kiên Giang, Sóc Trăng và Đồng Tháp

- Rầy các loại: Tổng diện tích nhiễm 84,8 ngàn ha, trong đó nhiễm nặng 5,47 ngàn ha, mất trắng hơn 5 ha (Thừa Thiên Huế). Diện tích nhiễm chủ yếu tập

trung tại các tỉnh miền Bắc: Hải Dương, Hưng Yên, Hòa Bình, Tuyên Quang, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Thái Bình, Ninh Bình, Cao Bằng, Điện Biên, Thái Nguyên, Sơn La, Lai Châu, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và một số tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, như: Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Tiền Giang.

- Bệnh khô vằn: Nhiễm 148,8 ngàn ha lúa, trong đó nhiễm nặng 11,3 ngàn ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ, gồm: Hà Nam, Ninh Bình, Hải Phòng, Phú Thọ, Hưng Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Dương, Hòa Bình, Điện Biên, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Quảng Ninh, Cao Bằng, Sơn La, Bắc Kạn, Lạng Sơn; Bắc Trung bộ gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; Miền Trung gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk.

- Sâu đục thân: Tổng diện tích nhiễm 2.053 ha, tập trung chủ yếu tại Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Gia Lai, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang và Kiên Giang.

- Bệnh vàng lùn và lùn xoắn lá: Diện tích nhiễm hơn 617 ha tại các tỉnh Đồng Tháp, Long An và Hậu Giang; diện tích nhiễm nặng 18 ha.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VI, VII và VIII/2017

3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, NĐTĐ mùa VI-VIII/2017 có khả năng cao hơn TBNN từ 0 đến hơn 1,0°C ở đa phần diện tích cả nước, với xác suất từ 66 đến trên 77%. Nhiệt độ có khả năng thấp hơn TBNN từ dưới 0 đến 1,0°C ở phía Nam (từ Ninh Thuận trở vào), với xác suất từ 66 đến trên 77%.

3.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng VI-VIII/2017, Lượng mưa mùa VI-VIII của năm 2017 có khả năng ở mức cao hơn TBNN từ 0 đến 200mm ở đa phần diện tích Bắc Bộ, Nam Tây Nguyên và Nam Bộ; thấp hơn TBNN từ 0 đến 400mm ở hầu hết diện tích Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên, với xác suất từ 44 đến 77%.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới và không khí lạnh

Kết quả thống kê 3 tháng VI-VIII trung bình thời kỳ 1971-2000, có khoảng 5 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có 2 đến 3 cơn ảnh hưởng đến

Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VI-VIII.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng V và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VI/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng VI, VII và VIII/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của lúa, tuy nhiên với lượng mưa tháng còn thấp nên cần có các biện pháp cung cấp nước cho các cây trồng cần phát triển tốt hơn;

- Các loại sâu bệnh gây hại với diện hẹp, tuy nhiên cũng cần tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, hạn chế sự lây lan và bùng phát trên diện rộng.

2. Miền Nam

- Thu hoạch phần còn lại của lúa đông xuân, tập trung làm đất, xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu;

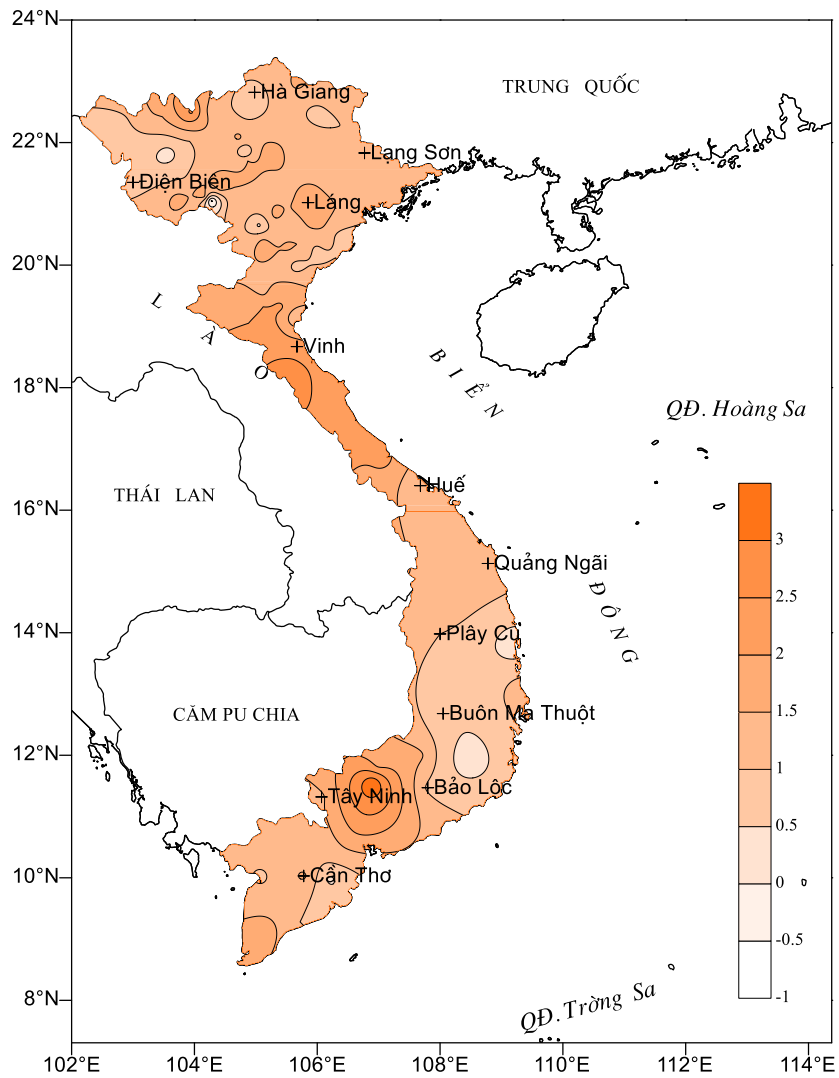
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

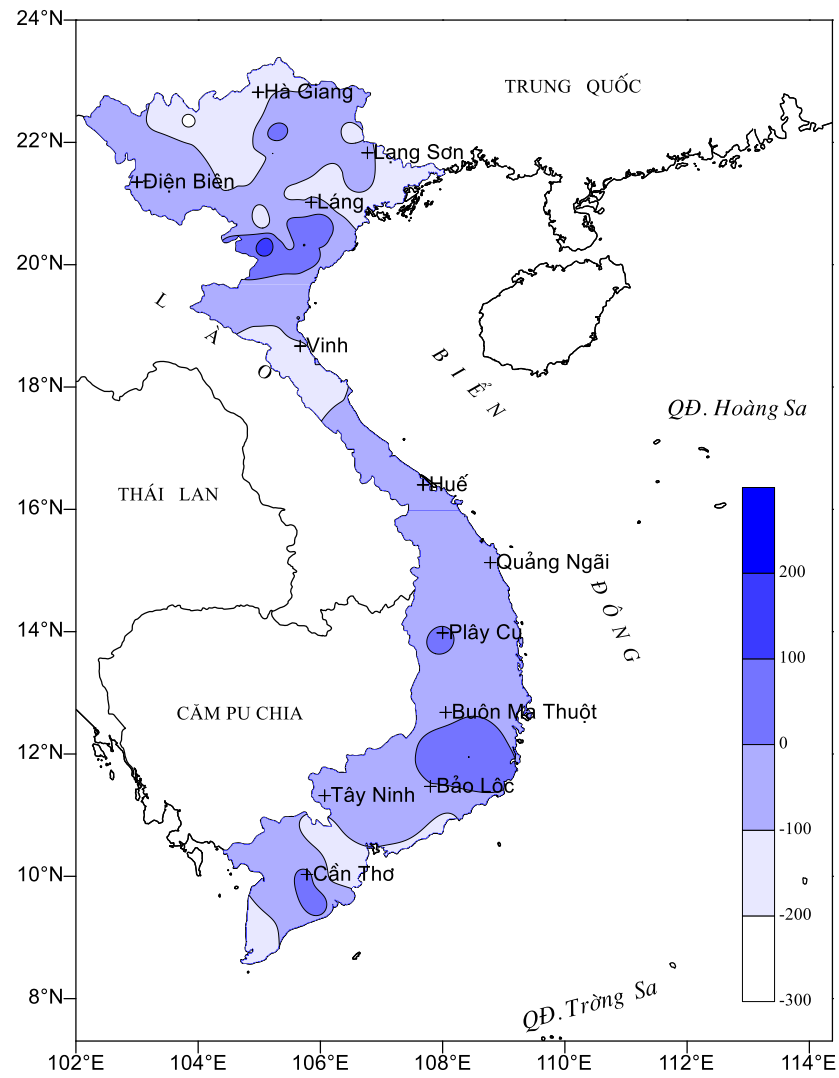
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VI, VII, VIII/2017;

2. <http://www.nchmf.gov.vn/Web/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 6 năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;

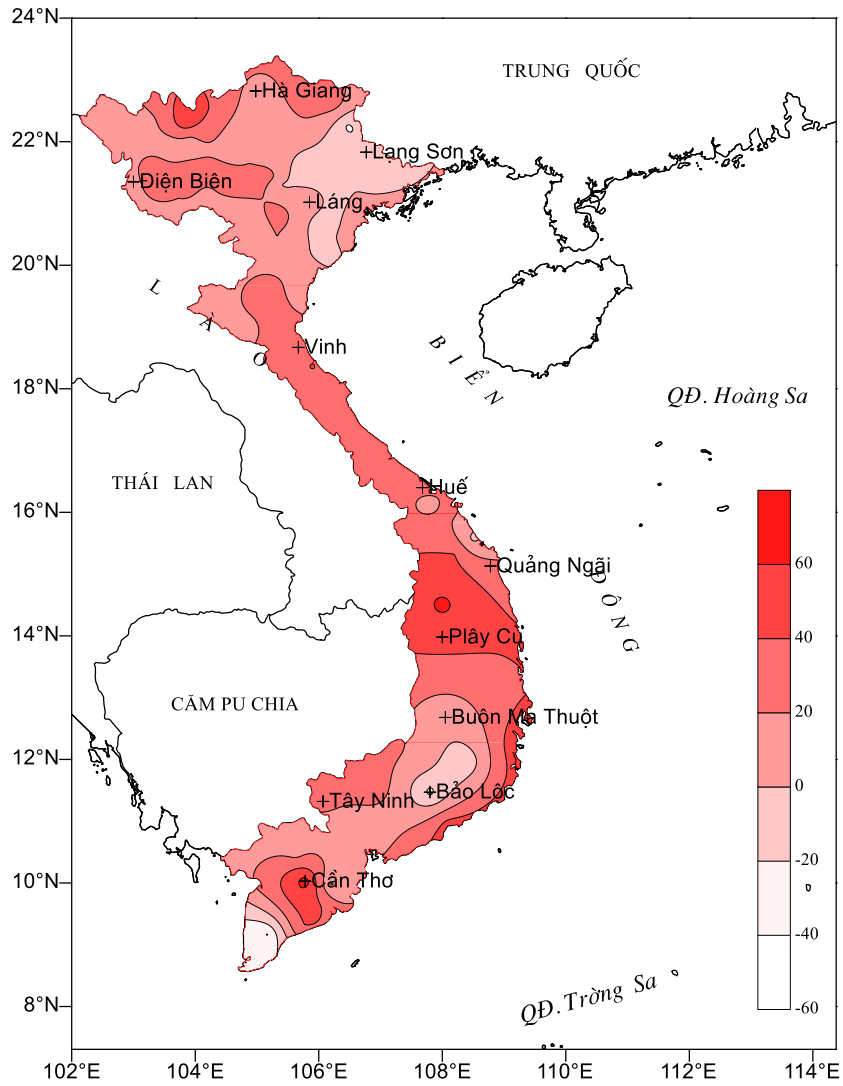
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng V năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



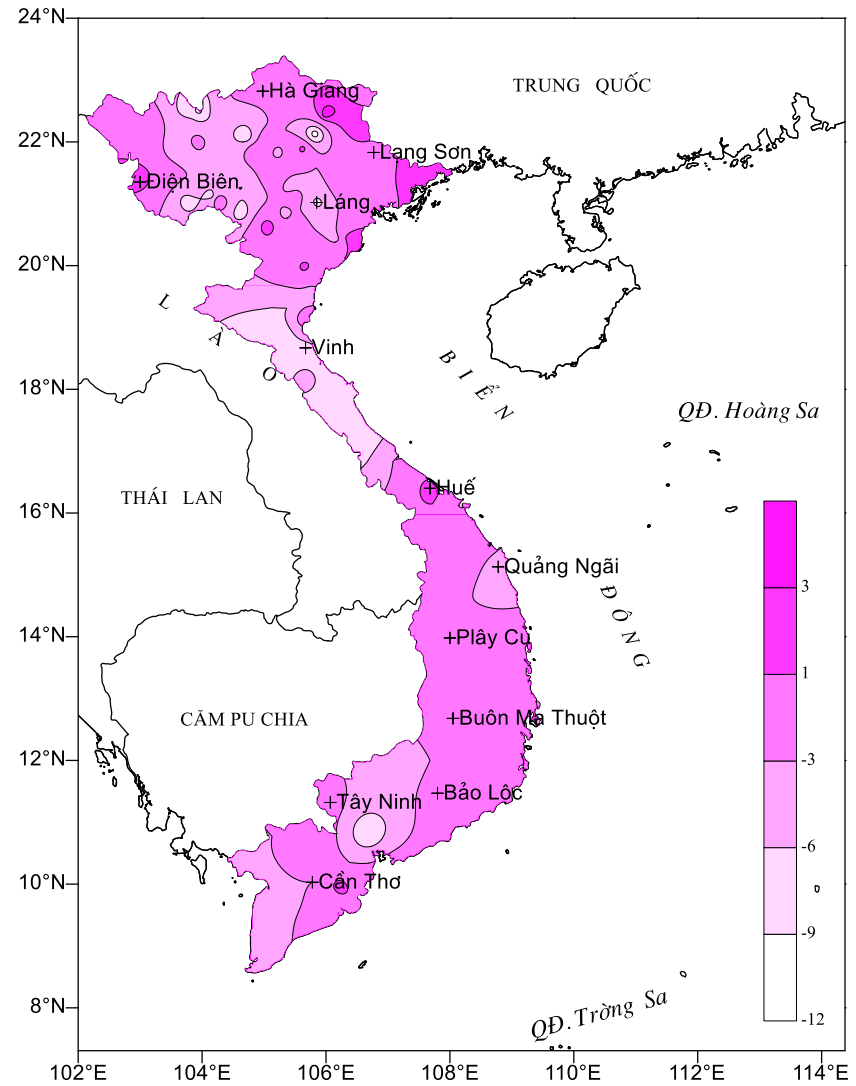
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2017 so với TBNN (°C)



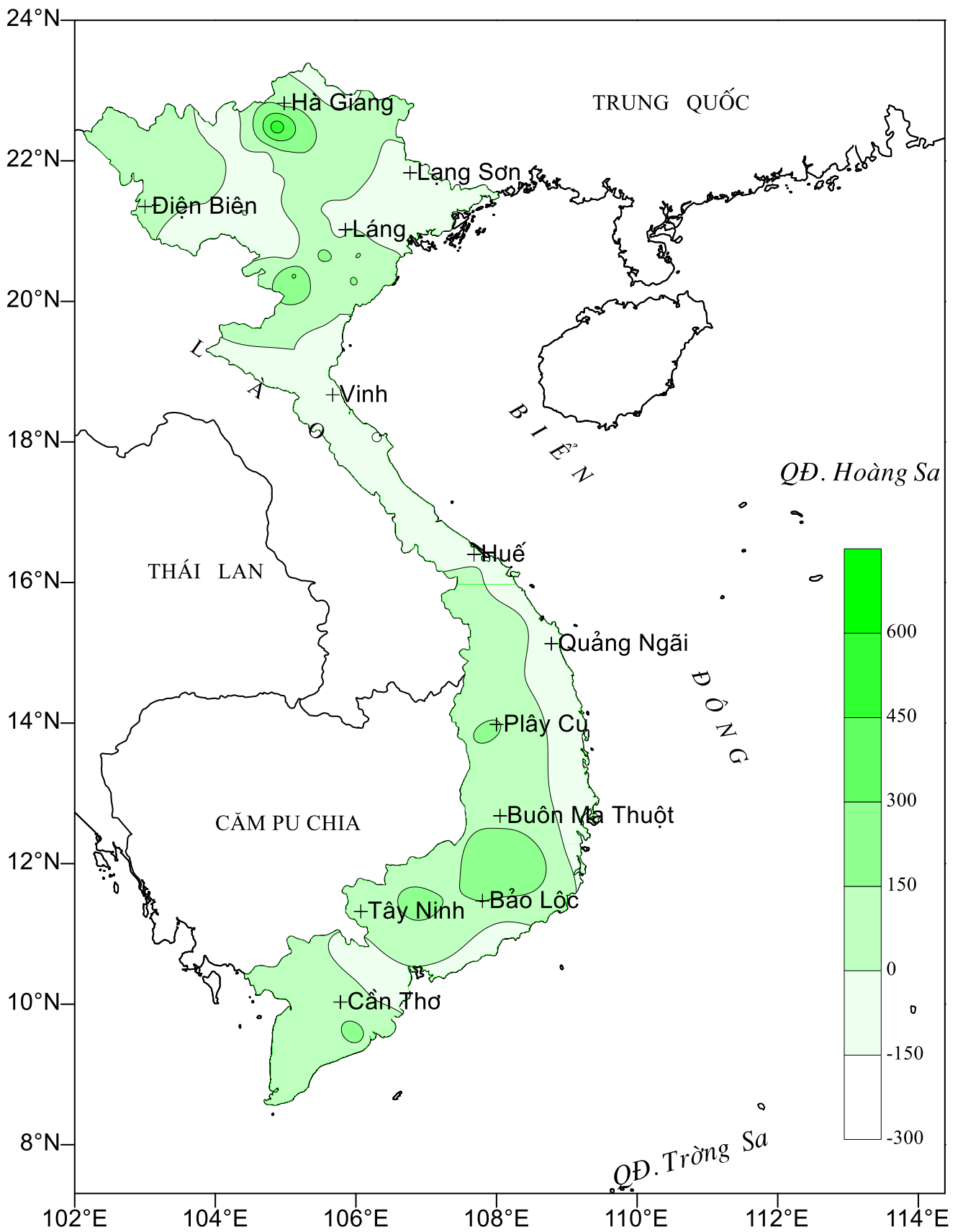
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2017 (mm)